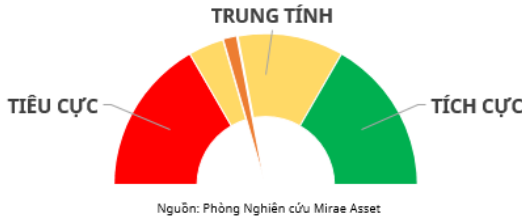


27 Tháng Sáu 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)

## Nhận định thị trường

### Đồng thuận với chứng khoán thế giới

Thị trường chứng khoán Mỹ tăng điểm mạnh cuối tuần qua, cộng thêm các thị trường chính ở Châu Á đều phục hồi tốt trong sáng nay đã giải tỏa áp lực cho VN-Index. Với các thông tin hỗ trợ tích cực trên, VN-Index mở phiên trong sắc xanh, sau đó giao dịch chỉ một chiều tăng điểm đi lên và đóng cửa cao nhất vào cuối phiên. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 17,3 điểm, tương ứng với 1,5% và đóng cửa tại 1.202 điểm. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 12.315 tỷ đồng, HNX: 1.041 tỷ đồng, UPCOM: 821 tỷ đồng.

Phiên tăng điểm tốt với đà phục hồi diễn ra rộng khắp ở nhiều ngành. “Bank-Chứng-Thép” có ngày vượt trội VN-Index khi nhóm này tăng mạnh nhất và đóng vai trò tích cực nâng đỡ thị trường. Bên cạnh đó phải kể đến đà phục hồi của nhóm Xây dựng khi các cổ phiếu nhóm này đồng loạt tăng từ 1%-7% (CTD, HBC, TCD, HHV, FCN, LCG, VCG, CII). Ở chiều ngược lại, nhóm Phân bón & Hóa chất vẫn duy trì ngang mồm tham chiếu trong phiên sáng, nhưng bắt ngờ vào cuối phiên khi DCM, DPM và CSV đều đồng loạt giảm sàn.

Khối ngoại mua ròng nhẹ trong phiên hôm nay với hơn 200 tỷ đồng, tập trung vào một vài Blue-chip như MWG, MSN, CTG và VHM.

Phiên tăng điểm tốt nhưng thanh khoản không cải thiện khiến điểm số kỹ thuật của VN-Index vẫn giữ nguyên. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức -2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 13,1x.

**Trần Duy Lam**, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	5	KHẢ QUAN
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	3	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	1	TRUNG TÍNH
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,202.82	1.46	-6.43	-13.47
HNX	280.42	1.63	-9.88	-11.88
UPCOM	88.14	1.20	-7.50	-1.49
MSCI EM	1,011.18	1.59	-3.07	-26.70
NIKKEI	26,871.27	1.43	0.33	-7.55
HANG SENG	22,229.52	2.35	7.40	-24.10
KOSPI	2,401.92	1.49	-8.95	-27.28
FTSE	7,262.36	0.74	-4.26	1.77
S&P 500	3,911.74	3.06	-5.93	-8.62
NASDAQ	11,607.62	3.34	-4.32	-19.17

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	13.09	2.02	15.60
SET INDEX	16.98	1.17	9.17
JCI INDEX	14.95	2.07	13.16
PCOMP INDEX	17.89	1.53	8.96

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.40	0	1	131
10 năm	3.27	-2	14	105

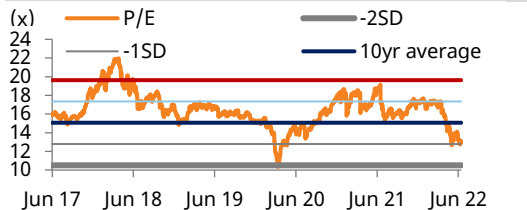
### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,251	0.00	-0.22	-1.02
US\$/KRW	1,287	0.93	-2.34	-12.16
US\$/JPY	135	0.20	-5.82	-18.03
US\$/EUR	0.94	-0.27	1.42	12.66
US\$/GBP	0.81	-0.36	2.53	12.69
US\$/SGD	1.38	0.11	-1.12	-3.00

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	362	588	941
HNX	45	70	124
UPCOM	27	50	72

### Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



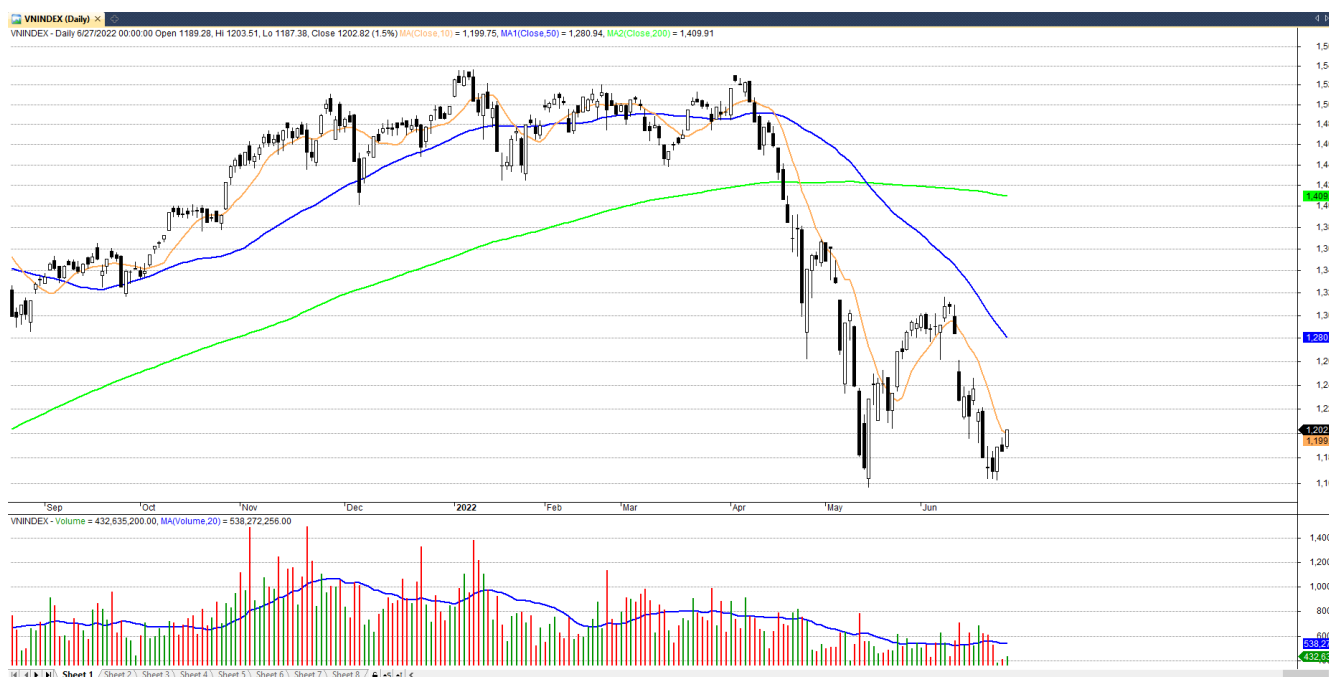
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (27/06/2022)	1.202,8	Kháng cự 1 <b>1.260</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 <b>1.310</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 <b>1.160</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 <b>1.100</b>

Chạm vùng đáy cũ 1.160, VN-Index đang thể hiện xu hướng phục hồi trong ngắn hạn.

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



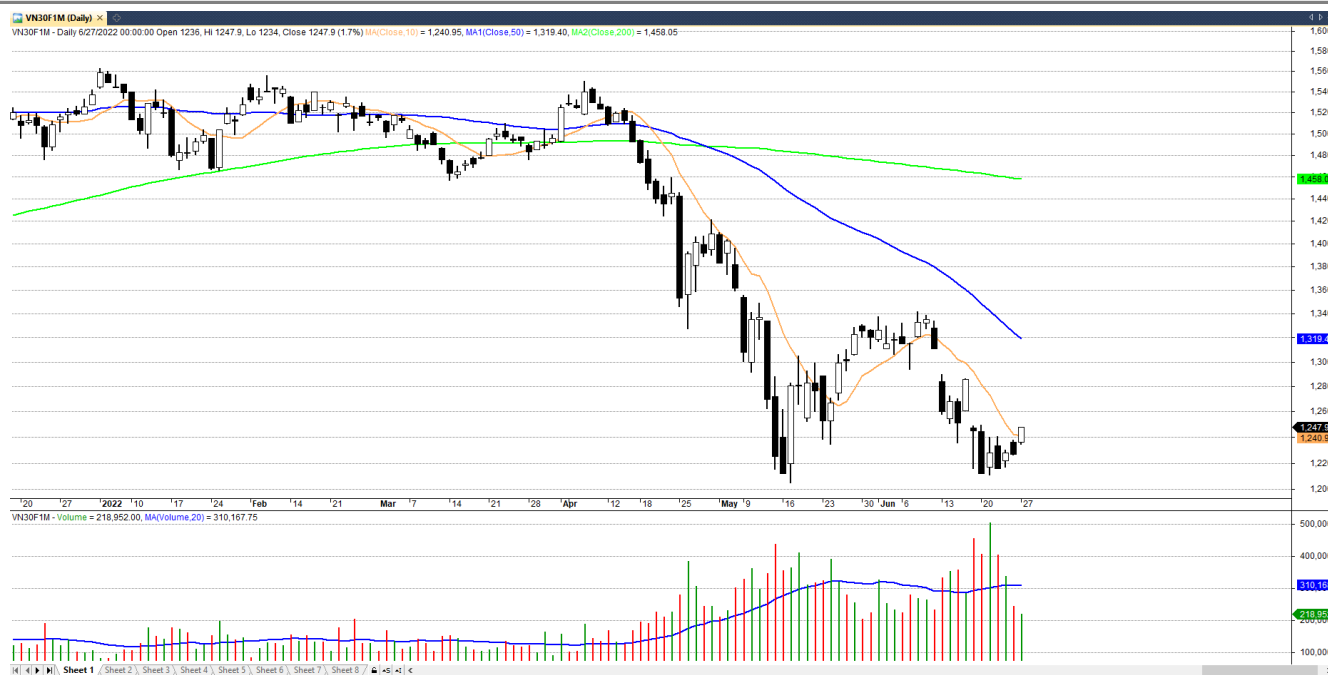
## CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (23/06/2022)	1.247,9	Kháng cự 1	<b>1.280</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	<b>1.330</b>
VN30 - đóng cửa	1.256	Hỗ trợ 1	<b>1.200</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-8,8</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.100</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>4</b>	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>3</b>	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	<b>-2</b>	TRUNG TÍNH

VN30F1M hồi phục tốt theo cơ sở, tuy nhiên điểm kỹ thuật theo ngày vẫn nằm ở mức trung tính khi khối lượng suy giảm.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
----	-------	--------------	--------------	-----------------------	------------------------	---------------------

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VPI	63.6	1,027,680	6	KHẢ QUAN	6,616	13.1	2.7	65
STB	21.5	13,747,500	5	KHẢ QUAN	18,307	7.5	0.7	296
PNJ	129.5	1,296,945	5	KHẢ QUAN	11,729	11.3	2.5	168
IDC	48.9	2,159,295	5	KHẢ QUAN	5,640	16.4	1.6	106
PDR	52.6	2,007,390	5	KHẢ QUAN	8,831	9.9	2.1	106
HAG	8.64	10,707,495	5	KHẢ QUAN	3,478	31.5	0.3	93
VJC	133	691,900	5	KHẢ QUAN	51,284	13.8	3.4	92
HCM	21.25	3,829,295	5	KHẢ QUAN	4,897	10.0	1.1	81
FLC	4.95	7,186,565	5	KHẢ QUAN	1,945	#N/A N/A	0.2	36
HPG	22.9	23,293,504	4	KHẢ QUAN	71,650	9.4	1.4	533
DXG	21	10,108,600	4	KHẢ QUAN	4,555	5.3	0.7	212
NVL	78.8	2,820,795	3	TRUNG TÍNH	60,887	17.5	2.7	222
CTG	25.6	3,820,505	3	TRUNG TÍNH	77,074	8.2	1.0	98
VGC	53.5	1,714,070	3	TRUNG TÍNH	8,384	12.9	1.3	92
SHB	13.65	6,464,430	3	TRUNG TÍNH	17,904	6.1	0.8	88
KDC	63.7	1,277,690	3	TRUNG TÍNH	6,046	107.3	1.1	81
ORS	15.5	2,214,775	3	TRUNG TÍNH	308	#N/A N/A	3.0	34
TCB	35.55	4,914,095	2	TRUNG TÍNH	63,528	6.1	1.0	175
VCI	36	4,543,480	2	TRUNG TÍNH	3,286	4.7	0.8	164
SHS	15	8,405,945	2	TRUNG TÍNH	1,948	4.8	0.7	126
AAA	11.9	4,073,925	2	TRUNG TÍNH	2,334	6.2	0.6	48
HDC	37.5	1,257,250	2	TRUNG TÍNH	968	5.5	1.0	47
BID	31.75	1,040,940	2	TRUNG TÍNH	142,983	16.6	1.9	33
BVH	55.1	1,601,220	1	TRUNG TÍNH	30,101	31.0	1.6	88
PHR	68.7	556,140	1	TRUNG TÍNH	6,646	8.3	2.2	38
DIG	36.1	8,323,185	0	TRUNG TÍNH	3,772	9.8	1.0	300
VPB	28.9	9,575,940	0	TRUNG TÍNH	48,146	4.8	1.0	277
GMD	52.6	3,396,330	0	TRUNG TÍNH	5,152	11.0	0.9	179
NKG	18.4	7,675,070	0	TRUNG TÍNH	1,049	5.8	0.4	141
VNM	71.1	1,910,760	0	TRUNG TÍNH	180,058	19.0	6.0	136
HUT	27.2	4,209,575	0	TRUNG TÍNH	510	7.0	0.2	115
KBC	32	3,016,915	0	TRUNG TÍNH	5,966	6.8	0.6	97
HBC	17.9	5,298,705	0	TRUNG TÍNH	2,057	6.7	0.6	95
NLG	36	2,550,440	0	TRUNG TÍNH	6,342	7.6	1.2	92
DGW	121.8	743,450	0	TRUNG TÍNH	1,630	8.0	1.6	91

LPB	12.6	6,708,400	0	TRUNG TÍNH	7,620	5.4	0.6	85
CII	17.2	4,284,530	0	TRUNG TÍNH	4,084	9.6	0.8	74
TPB	26.7	2,550,100	0	TRUNG TÍNH	15,923	4.7	1.1	68
ACB	23.95	2,754,145	0	TRUNG TÍNH	36,248	5.8	1.2	66
SCR	9.2	4,144,660	0	TRUNG TÍNH	1,843	7.9	0.4	38
SBT	16.2	2,189,615	0	TRUNG TÍNH	7,950	79.4	1.1	35
BSR	28.8	21,881,800	-2	TRUNG TÍNH	17,673	6.3	0.5	630
SSI	19.85	16,378,085	-2	TRUNG TÍNH	7,992	10.9	0.9	325
VND	18.4	16,715,760	-2	TRUNG TÍNH	2,335	6.6	0.7	308
DGC	120	2,216,315	-2	TRUNG TÍNH	5,226	7.5	1.4	266
GEX	20.3	11,142,465	-2	TRUNG TÍNH	8,765	14.1	1.4	226
VHC	92.7	2,275,340	-2	TRUNG TÍNH	6,050	5.1	1.2	211
GAS	114.4	1,798,915	-2	TRUNG TÍNH	122,493	12.5	2.3	206
FPT	86.5	2,322,295	-2	TRUNG TÍNH	34,257	10.5	2.3	201
MBB	24.1	8,217,870	-2	TRUNG TÍNH	37,015	4.5	0.9	198
MWG	71.5	2,677,025	-2	TRUNG TÍNH	33,373	8.4	2.5	191
HAH	72.1	2,287,855	-2	TRUNG TÍNH	472	4.2	0.5	165
HSG	17	8,750,740	-2	TRUNG TÍNH	4,319	6.8	0.7	149
FRT	89	1,594,480	-2	TRUNG TÍNH	1,690	8.2	1.3	142
REE	86	1,644,315	-2	TRUNG TÍNH	9,829	6.4	1.0	141
CEO	27.2	4,728,355	-2	TRUNG TÍNH	1,673	3.3	0.6	129
ANV	57.5	2,126,245	-2	TRUNG TÍNH	1,894	4.4	0.8	122
HDG	54.7	2,185,905	-2	TRUNG TÍNH	2,699	3.0	1.0	120
TNG	30.6	3,881,210	-2	TRUNG TÍNH	732	3.5	0.7	119
MSN	113	1,014,440	-2	TRUNG TÍNH	57,863	12.5	1.4	115
IDI	22.05	4,513,875	-2	TRUNG TÍNH	783	4.6	0.3	100
ASM	15.45	5,523,190	-2	TRUNG TÍNH	1,212	2.2	0.3	85
PVT	20.15	4,086,220	-2	TRUNG TÍNH	2,513	4.2	0.6	82
NT2	25.1	3,117,785	-2	TRUNG TÍNH	5,815	7.5	1.3	78
BCG	14.55	5,364,565	-2	TRUNG TÍNH	640	6.0	0.5	78
VCG	19.75	3,426,550	-2	TRUNG TÍNH	11,219	17.0	1.6	68
VIX	9.75	6,914,085	-2	TRUNG TÍNH	1,035	10.2	0.7	67
GEG	24.3	2,650,930	-2	TRUNG TÍNH	3,609	15.4	1.6	64
VRE	28.75	1,972,330	-2	TRUNG TÍNH	60,898	21.9	2.3	57
MIG	25.4	2,078,765	-2	TRUNG TÍNH	1,196	7.6	0.8	53
PLX	41.5	1,186,815	-2	TRUNG TÍNH	50,946	53.6	2.7	49
TCH	11.25	4,153,765	-2	TRUNG TÍNH	6,800	10.3	1.5	47
PAN	21.15	2,144,035	-2	TRUNG TÍNH	3,868	17.5	1.1	45
GVR	23.35	1,920,325	-2	TRUNG TÍNH	41,000	12.5	0.9	45
VSC	44.9	965,465	-2	TRUNG TÍNH	1,532	6.1	0.9	43
KSB	26	1,661,055	-2	TRUNG TÍNH	1,114	3.7	0.8	43
PET	38.4	1,088,175	-2	TRUNG TÍNH	674	6.1	0.4	42
LCG	10.8	3,843,490	-2	TRUNG TÍNH	756	5.1	0.5	42
HQC	4.17	9,952,000	-2	TRUNG TÍNH	724	21.1	0.2	41
DBC	19.45	2,117,895	-2	TRUNG TÍNH	4,803	4.8	1.3	41
GIL	54.5	719,920	-2	TRUNG TÍNH	680	2.6	0.5	39
VGT	18.3	2,115,715	-2	TRUNG TÍNH	3,500	7.9	0.6	39
SZC	45.75	832,140	-2	TRUNG TÍNH	2,160	11.4	1.8	38

VIB	20.7	1,715,705	-2	TRUNG TÍNH	16,363	5.1	1.2	36
FCN	13.25	2,587,475	-2	TRUNG TÍNH	1,067	5.3	0.5	34
DPM	49.15	5,252,325	-3	TRUNG TÍNH	5,205	8.4	0.6	258
DCM	33.5	7,184,585	-3	TRUNG TÍNH	4,140	18.8	0.7	241
POW	13.9	24,191,160	-4	TIÊU CỰC	20,608	8.6	0.8	336
PVS	24.6	13,127,970	-4	TIÊU CỰC	5,162	8.7	0.4	323
PVD	17.4	9,795,480	-4	TIÊU CỰC	3,803	13.0	0.3	170
PC1	38.8	2,772,705	-4	TIÊU CỰC	2,645	7.3	0.8	108
CTR	63.1	682,095	-4	TIÊU CỰC	2,586	14.3	2.9	43
CMX	17.25	2,328,770	-4	TIÊU CỰC	357	13.4	1.1	40
PVC	17.5	2,138,565	-4	TIÊU CỰC	228	10.9	0.3	37
VIC	73.8	1,806,895	-5	TIÊU CỰC	287,507	40.6	3.6	133
ITA	8.3	7,732,010	-5	TIÊU CỰC	3,772	19.1	0.4	64
VHM	63.5	3,133,710	-6	TIÊU CỰC	233,227	9.1	3.7	199
HDB	23.35	1,985,070	-6	TIÊU CỰC	22,747	6.4	1.2	46
VCB	74.9	888,070	-7	TIÊU CỰC	285,584	15.7	3.2	67
CSV	43.55	748,875	-7	TIÊU CỰC	875	3.7	0.9	33

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Vốn FDI giảm tháng thứ 5 liên tiếp

Số liệu vừa được Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch & Đầu tư) công bố cho thấy tính đến ngày 20/6, tổng vốn FDI đăng ký cấp mới, điều chỉnh và vốn góp mua cổ phần đạt trên 14,03 tỷ USD, giảm 8,9% so với cùng kỳ 2021. Đây là tháng thứ 5 liên tiếp ghi nhận vốn FDI giảm. Cụ thể, số dự án đăng ký cấp mới là 752, trị giá gần 4,94 tỷ USD, giảm 48,2% so với cùng kỳ. Trong khi đó, số lượt dự án đăng ký điều chỉnh là 487, đạt 6,82 tỷ USD, tăng hơn 45% so với cùng kỳ năm trước. Tương tự, số lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tính đến 20/6 đạt 1.707, trị giá hơn 2,27 tỷ USD, tăng hơn 41% so với cùng kỳ. Cục Đầu tư nước ngoài cho biết tuy vốn đăng ký mới chưa hồi phục hoàn toàn sau sự gián đoạn của các biện pháp chống dịch năm 2021, song vốn điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần đã tiếp tục tăng mạnh. Trong khi đó, tốc độ tăng về số lượt dự án điều chỉnh vốn có chậm lại so với 5 tháng đầu năm song quy mô điều chỉnh vốn bình quân/dự án tương đối cao so với cùng kỳ.

### BVH: trình kế hoạch cổ tức kỷ lục cho năm 2021 hơn 30% bằng tiền

Tập đoàn Bảo Việt (HoSE:BVH) công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm nay. Cuộc họp sẽ diễn ra vào ngày 29/6. Năm nay, đơn vị trình kế hoạch tổng doanh thu công ty mẹ đạt 1.530 tỷ đồng, LNST 1.050 tỷ đồng, tăng lần lượt 2,7% và 1,8% so với thực hiện năm ngoái. Tỷ suất LNST/vốn điều lệ (7.423,2 tỷ đồng) ước tính 14,1%. Tập đoàn dự kiến dùng toàn bộ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 2.246 tỷ đồng chia cổ tức năm 2021 với tỷ lệ 30,261%. Đây là mức cổ tức kỷ lục, so với mức khoảng 8-10% mỗi năm kể từ 2014 tới 2020. Trước đó, Bảo Việt chia cổ tức tỷ lệ 12-15% bằng tiền.

### TAR: Dừng bán đất ở Cần Thơ, lên phương án chào bán gần 80 triệu cp

Sáng 27/6, Công ty nông nghiệp công nghệ cao Trung An (HNX: TAR) tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 để thông qua kế hoạch phát hành 39,1 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 50%. Giá chào bán 15.000 đồng/cp, tương ứng số tiền huy động 587 tỷ đồng. Thời điểm thực hiện là sau khi chia cổ tức cổ phiếu 2021 tỷ lệ 10%. Tiếp theo, doanh nghiệp phát hành riêng lẻ 40 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 56,18% trên vốn điều lệ sau khi thực hiện xong phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu. Giá chào bán 20.000 đồng/cp, giá trị thu về dự kiến 800 tỷ đồng. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm. Như vậy, sau các đợt phát hành, Gạo Trung An sẽ tăng vốn điều lệ từ 712 tỷ đồng lên 1.575 tỷ đồng. Doanh nghiệp huy động vốn cho 2 mục tiêu. Thứ nhất, nâng cao năng lực vốn, đáp ứng vai trò là đối tác được Bộ Nông nghiệp Phát triển Nông thôn để phát triển vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu vùng tứ giác Long Xuyên giai đoạn 2021-2025. Thứ 2, đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu chất lượng cao vùng tứ giác Long Xuyên phục vụ xuất khẩu, mục tiêu xuất khẩu 1 triệu tấn gạo chất lượng cao hướng hữu cơ vào các thị trường như châu Âu, Mỹ, Trung Đông, Hàn Quốc... với kim ngạch tối thiểu 800 triệu USD/năm. Ngoài ra, Gạo Trung An có kế hoạch nâng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài từ 0% lên 49% và chấp thuận cho nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phiếu theo giới hạn tỷ lệ sở hữu tối đa. Ban lãnh đạo muốn tận dụng tốt nguồn vốn, kinh nghiệm, năng lực quản trị, mạng lưới của khối ngoại để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng đến mô hình quản trị điện đại, thị trường thế giới. Cuối cùng, HĐQT đề xuất huy động 500 tỷ đồng để đầu tư M&A các doanh nghiệp và dự án có tiềm năng về ngành nông lâm ngư nghiệp hoặc ngành y tế. Địa điểm thực hiện dự án là khu vực phía nam, miền đông/tây nam bộ.

### DHC: chốt quyền cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, tỷ lệ 10%

CTCP Đông Hải Bến Tre (Dohaco - HoSE:DHC) thông báo ngày 20/7 là ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông chi trả cổ tức đợt 3 năm 2021 bằng tiền. Tỷ lệ thực hiện 10%, tương đương một cổ phiếu được nhận 1.000 đồng. Với gần 70 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Dohaco dự chi khoảng 70 tỷ đồng để thanh toán cổ tức cho cổ đông

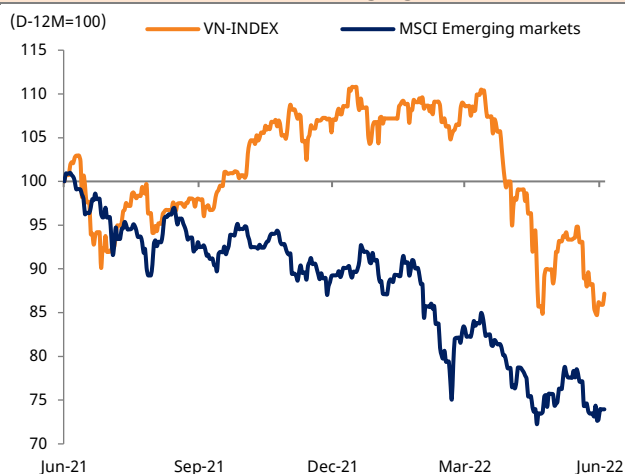
vào ngày 30/8. Tại ĐHCĐ năm nay tổ chức ngày 17/6, cổ đông thông qua tổng tỷ lệ cổ tức năm 2021 là 50%, bao gồm 15% bằng cổ phiếu và 35% bằng tiền mặt, điều chỉnh so với kế hoạch 25% cổ phiếu và 25% tiền mặt như đã nêu trong tài liệu họp. Trước đó, doanh nghiệp đã tạm ứng cổ tức năm trước bằng tiền đợt 1 tỷ lệ 10% vào ngày 5/10/2021 và đợt 2 tỷ lệ 15% ngày 6/6 năm nay. Đơn vị sẽ phát hành 10,5 triệu cổ phiếu tỷ lệ 15% để trả cổ tức bằng cổ phiếu năm trước. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III, IV năm nay sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sau phát hành, vốn điều lệ sẽ tăng từ 699,9 tỷ đồng lên 804,9 tỷ đồng.

**VXB: SCIC muốn bán hơn 2 triệu cổ phiếu VXB với giá gấp 4 lần thị giá.**

Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đăng ký bán đấu giá cạnh tranh theo lô cổ phần Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bến Tre (HNX: VXB). Cụ thể, SCIC sẽ bán trọn lô 2 triệu cổ phiếu, tương đương 29,4% vốn Vật liệu xây dựng Bến Tre, giá khởi điểm 138 tỷ đồng, tương đương 69.000 đồng/cp. Cổ phiếu này sẽ bị hủy niêm yết từ 30/6, ngày giao dịch cuối cùng 29/6. Nguyên nhân là do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ từ chối cho ý kiến đối với BCTC năm 2021. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, thi công và phát triển kinh doanh bất động sản. Doanh thu giảm từ trên 200 tỷ đồng về 57 tỷ đồng trong 4 năm qua. Năm 2019 và 2020 lỗ lần lượt 12 và 18 tỷ đồng trong khi năm 2018 và 2021 lãi chưa đến 2 tỷ đồng.



**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



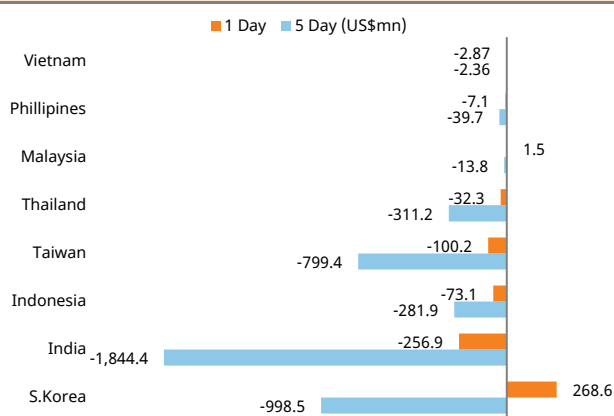
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



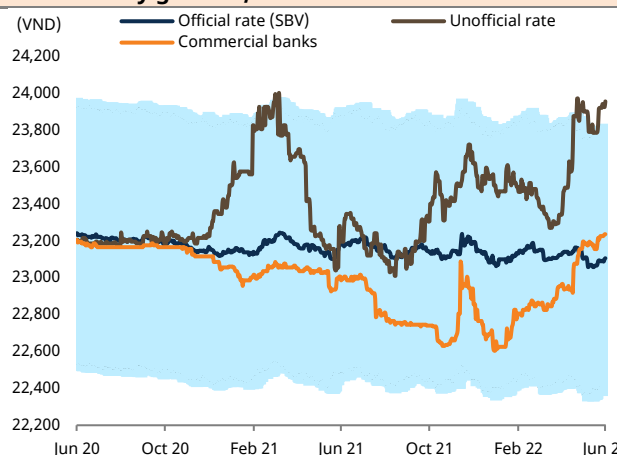
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



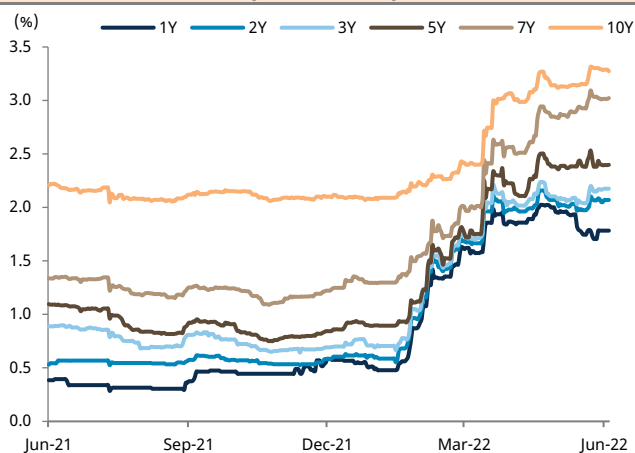
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



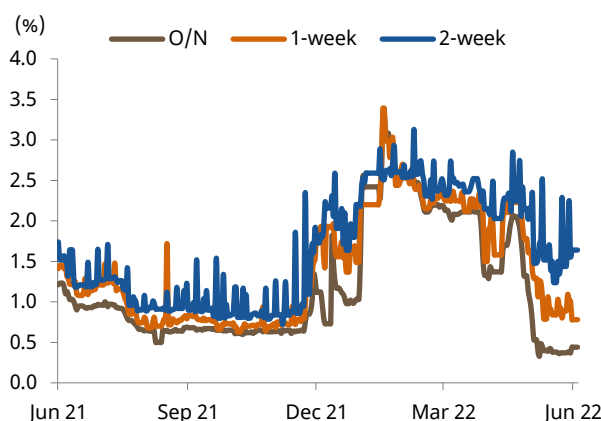
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,256.67</b>	<b>3,296,500</b>		<b>1.7</b>	<b>2.4</b>	<b>-5.9</b>	<b>-16.2</b>	<b>11.8</b>	<b>10.6</b>	<b>2.2</b>	<b>1.8</b>	<b>38.5</b>	<b>11.2</b>	<b>19.6</b>	<b>20.9</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	23,950	80,890	37.5	0.6	0.8	-5.9	-17.6	8.6	7.7	1.8	1.5	24.6	11.5	23.5	24.9
BIDV	BID VN	31,750	160,608	16.9	1.8	4.1	-10.1	-12.3	18.4	12.0	1.9	1.7	50.3	52.4	11.0	16.1
Bao Viet Holdings	BVH VN	55,100	40,902	26.5	0.5	7.8	2.8	-5.5	21.6	17.2	1.9	1.8	21.8	25.3	9.2	11.0
VietinBank	CTG VN	25,600	123,027	26.3	3.4	8.5	-5.2	-38.6	8.7	5.9	1.3	1.1	18.2	47.6	15.8	18.3
FPT Corp	FPT VN	86,500	94,894	49.0	1.2	2.4	-7.2	21.8	23.9	17.9	5.3	4.6	21.5	33.4	23.4	26.9
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	114,400	218,956	3.0	0.4	2.9	4.0	16.7	26.3	17.0	4.3	3.7	8.1	54.6	16.8	22.6
Vietnam Rubber Group	GVR VN	23,350	93,400	0.5	2.6	7.1	-8.4	-33.2	22.5	19.1	2.0	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	23,350	46,985	17.0	1.5	-1.1	-9.5	-17.3	7.7	6.3	1.6	1.3	42.5	22.1	23.3	22.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	22,900	133,159	20.7	5.0	6.5	-16.0	-41.3	4.2	4.5	1.5	1.2	151.5	-7.9	42.8	28.9
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	39,050	25,107	32.2	1.6	1.4	-8.2	5.3	21.8	18.2	2.5	2.2	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	24,100	91,058	23.2	1.7	2.8	-13.9	-22.7	7.2	5.8	1.5	1.2	53.0	24.1	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	113,000	160,881	28.7	3.2	6.6	2.7	27.4	18.7	24.5	4.9	4.1	589.7	-23.8	35.1	18.2
Mobile World Investment Corp	MWG VN	71,500	104,655	48.9	-0.6	2.4	-2.5	49.3	20.7	17.3	5.0	4.5	18.2	19.8	27.3	27.6
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	78,800	153,643	6.1	6.5	4.4	0.5	-13.3	43.3	29.8	4.3	3.8	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	52,600	35,329	2.4	0.2	1.5	-3.1	-24.5	19.6	#N/A	5.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	41,500	52,730	17.3	1.7	5.1	-2.6	-26.5	23.2	19.4	2.1	2.0	160.6	19.9	9.7	11.0
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	129,500	31,386	49.0	6.1	11.6	5.9	33.0	30.9	20.9	4.9	3.7	-2.6	47.4	17.0	22.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,850	32,435	2.3	2.2	6.5	3.7	14.0	18.3	16.7	1.1	1.0	-24.2	9.8	6.2	6.3
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	156,800	100,553	62.7	0.8	0.5	1.8	-8.8	28.5	22.7	4.7	4.3	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	19,850	29,579	34.5	6.7	12.1	-29.4	-40.5	8.1	8.6	1.5	#N/A	100.3	-5.2	21.0	17.4
Sacombank	STB VN	21,500	40,532	21.1	1.4	4.9	-3.4	-27.1	13.2	12.3	1.2	1.1	30.6	7.4	9.5	11.6
Techcombank	TCB VN	35,550	124,813	22.5	0.1	2.2	-5.1	-31.1	6.9	5.8	1.4	1.1	46.1	20.0	21.7	20.9
Tien Phong Bank	TPB VN	26,700	42,233	30.0	2.7	1.9	-17.3	0.4	8.3	11.6	1.6	1.3	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	74,900	354,465	23.6	-0.1	-1.4	-3.2	-15.1	17.9	13.4	3.3	2.6	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	63,500	276,502	23.4	0.5	-2.0	-8.9	-26.4	7.0	8.6	2.2	1.8	40.9	-18.3	36.9	22.8
Vingroup JSC	VIC VN	73,800	281,468	12.3	-1.1	-1.6	-5.4	-29.3	#N/A	242.2	2.7	2.7	-145.6	144.5	-2.8	1.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	133,000	72,034	16.8	3.7	2.9	4.7	14.8	956.8	58.6	4.3	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	71,100	148,596	54.5	-0.6	0.7	-2.6	-20.7	15.7	16.2	4.5	4.3	-5.3	-2.9	29.3	28.1
VPBank	VPB VN	28,900	128,474	17.4	2.7	1.8	-7.1	-23.7	10.9	6.3	1.6	1.3	11.6	73.2	17.9	21.1
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,750	65,329	31.1	4.4	0.9	-3.5	-9.0	49.7	29.4	2.1	2.0	-44.8	69.2	4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
<b>VN-Index</b>	<b>17.34</b>	<b>4,710,000</b>	<b>1.5</b>	<b>2.9</b>	<b>-6.4</b>	<b>-13.5</b>	<b>35.2</b>	<b>17.5</b>	<b>13.9</b>	<b>11.8</b>
Ô tô và phụ tùng	0.01	8,900	0.6	3.9	-1.7	13.5	-0.3	32.4	14.8	11.2
Ngân hàng	3.87	1,441,307	1.1	2.0	-7.1	-18.8	32.1	28.8	10.4	8.0
Xây dựng cơ bản	1.03	224,546	1.9	6.3	-8.7	27.5	19.9	31.3	13.0	9.9
Dịch vụ thương mại	0.06	5,660	4.6	7.4	6.3	26.4	-5.1	33.5	16.8	12.6
May mặc và trang sức	0.56	54,533	4.3	9.1	-1.3	19.6	11.7	61.0	17.8	11.1
Dịch vụ tiêu dùng	0.05	7,493	2.5	5.3	-1.5	1.1	1798.5	165.3	76.4	28.8
Dịch vụ tài chính	1.72	110,475	6.3	10.7	-20.4	-17.0	143.8	10.5	6.7	6.1
Dầu khí	0.37	71,216	2.0	5.7	-5.0	-20.6	83.2	9.1	21.4	19.6
Thực phẩm, đồ uống	1.97	529,253	1.5	3.2	-0.1	7.9	28.6	14.5	19.9	17.4
Y tế	0.02	3,073	3.0	-0.2	-1.9	61.6	65.3	13.9	22.3	19.6
Bảo hiểm	0.15	54,599	1.1	7.0	1.9	4.1	28.2	-2.5	18.0	18.5
Nguyên vật liệu	1.80	389,686	2.0	5.4	-9.8	-0.9	118.0	-3.5	6.3	6.5
Dược phẩm	0.06	28,586	0.8	0.9	-6.1	-4.4	7.4	5.1	15.4	14.7
Bất động sản	3.83	1,055,663	1.4	0.8	-6.9	-15.5	8.0	10.2	19.2	17.4
Bán lẻ	-0.17	122,987	-0.4	2.6	-2.3	83.3	33.8	24.1	11.5	9.3
Phần mềm và dịch vụ	0.35	102,260	1.3	2.9	-6.8	25.8	22.6	23.3	20.5	16.6
Vận tải	1.60	186,469	3.4	4.4	-2.8	16.4	-29.1	56.1	#N/A	#N/A
Tiện ích	0.62	353,441	0.7	2.9	3.3	19.3	10.1	16.8	19.9	17.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

### Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
NVL VN	78,800	6.5	3,978,700	2.5
HPG VN	22,900	5.0	20,739,600	1.7
MSN VN	113,000	3.2	882,000	1.3
CTG VN	25,600	3.4	3,897,800	1.1
VPB VN	28,900	2.7	5,872,800	0.9
BID VN	31,750	1.8	826,300	0.7
VRE VN	28,750	4.4	1,271,000	0.7
VJC VN	133,000	3.7	964,000	0.7
GVR VN	23,350	2.6	1,050,600	0.6
HVN VN	16,300	6.9	1,801,300	0.6

Nguồn: Bloomberg

### Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	73,800	-1.1	1,822,400	-0.8
DPM VN	49,150	-6.9	4,299,900	-0.4
DCM VN	33,500	-6.9	6,098,500	-0.3
DGC VN	120,000	-2.1	1,615,600	-0.3
LPB VN	12,600	-4.5	12,848,700	-0.2
VNM VN	71,100	-0.6	1,804,300	-0.2
MWG VN	71,500	-0.6	3,160,200	-0.2
ITA VN	8,300	-7.0	4,060,600	-0.2
VCB VN	74,900	-0.1	862,500	-0.1
BCM VN	62,100	-0.3	161,400	-0.1

### Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.